

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA PHẨM - TỰA - THỨ NHẤT

Chính tôi được nghe: Một thời bấy giờ, Đức Phật cùng với chúng đại Tỷ - Khưu, một nghìn hai trăm năm mươi người, đều hội - họp ở trong núi Kỳ - Xà - Quạt, nơi thành Vương - Xá. Các vị này đều là bậc A - La - Hán mọi lậu nghiệp đã hết, không còn phiền - não, việc lợi mình đã làm xong, dứt hết mọi sự ràng buộc ở trong các cõi, được tâm tự - tại. Những vị đó là: A - Nhã Kiều - Trần - Như, Ma - Ha Ca - Diếp, Ưu - Lô - Tân - Loa Ca - Diếp, Già - Na Già Ca - Diếp, Na - Đề Ca - Diếp, Xá - Lợi - Phát, Đại - Mục Kiền - Liên, Ma - Ha - Ca - Chiên - Diên, A - Nâu - Lô - Đà, Kiếp - Tân - Na, Kiều - Phạm Ba Đề, Ly - Bà - Đa. Tất Lãng. Già Bà - Ta, Bạc Câu - La, Ma - Ha Câu - Hi - La, Nan - Đà, Tôn - Đà - La - Nan - Đà, Phú - Lô - Na Di - Đa - La Ny - Tử, Tu - Bồ - Đề, A - Nan. La Hầu - La ... Những vị đại A - La - Hán ấy, đều là những bậc đại tri thức trong chúng.

Lại có các bậc hữu - học vô - học hai nghìn người như: Ma - Ha Ba - Xà Ba - Đề Tỷ - Khưu - Ni, cùng với quyến thuộc sáu nghìn người. Thân mẫu của La - Hầu - La Là Gia - Du Đà - La Tỷ - Khưu - Ni, cùng với quyền thuộc tất cả đều hội - họp ở đó.

Các bậc Bồ Tát và đại Bồ Tát tám vạn người, đều là những bậc không còn thoái chuyển, nơi đạo Vô - thượng Chính - Đẳng Chính - Giác, đều đã chứng được phép Đà - La - Ni nhạo thuyết hiện tài, chuyển nói pháp luân bất thoái - chuyển,

đã từng cúng - dâng vô - lượng trăm nghìn chư Phật; trồng mọi căn lành công - đức ở nơi chư Phật. Thường được chư Phật khen ngợi, dùng đức Từ tu thân, thể nhập khéo léo vào trí tuệ Phật, thông suốt Phật trí, đến nơi bờ giác tiếng vang đồn khắp vô - lượng Thế giới hay độ cho vô số trăm nghìn chúng - sinh. Tên các vị đó là: Văn - Thù - Sư - Lợi Bồ - Tát, Quan - Thế - Âm Bồ - Tát, Đắc - Đại - Thế Bồ - Tát, Thường Tinh - Tiến Bồ - Tát, Bất - Hư - Túc Bồ - Tát, Bảo - Chưởng Bồ - Tát, Dược Vương Bồ - Tát, Dũng - Thí Bồ - Tát, Bảo - Nguyệt Bồ - Tát, Nguyệt Quang Bồ - Tát, Mãn - Nguyệt Bồ - Tát, Đại - Lực Bồ - Tát, Vô - Lượng - Lực Bồ - Tát, Việt - Tam - Giới Bồ - Tát, Bạt Đà Bà La Bồ - Tát, Di - Lạc Bồ - Tát, Bảo - Tích Bồ - Tát, Đạo - Sư Bồ - Tát... Những Bồ - Tát và Đại Bồ - Tát ấy đều có tám vạn người.

Bấy giờ vua Thích - Đề - Hoàn - Nhân cùng với quyến thuộc đều có hai vạn Thiên - Tử. Lại có Minh - Nguyệt Thiên - Tử, Phổ - Hương Thiên - Tử, Bảo Quang Thiên - Tử, bốn vị Đại Thiên - Vương cùng với quyến thuộc một vạn Thiên - Tử. Có Tự Tại Thiên - tử, Đại - Tự - Tại Thiên - Tử cùng với quyến thuộc ba vạn Thiên - Tử. Chủ cõi Sa Bà: Vua Phạm - Thiên - Vương, Thi - Khí Đại - Phạm, Quang - Minh Đại - Phạm... cùng với quyến thuộc một vạn hai nghìn vị Thiên - Tử.

Lại có tám vị Long - Vương: Nan Đà Long - Vương, Bạt - Nan - Đà Long - Vương, Sa - Già - La Long - Vương, Hòa - Tu - Cát Long - Vương, Đức - Xoa - Ca Long - Vương, A - Na - Bà - Đạt -

Đa Long - Vương, Ma - Na - Tư Long - Vương, Ưu - Bát - La Long - Vương... Đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc.

Có bốn vị Khẩn - Na - La - Vương: Pháp - Khẩn - Na - La - Vương, Diệu - Pháp - Khẩn - Na - La - Vương, Đại - Pháp - Khẩn - Na - La - Vương, Trì - Pháp - Khẩn - Na - La - Vương, đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc. Có bốn vị Càn - Thát - Bà - Vương, Nhạc - Càn - Thát - Bà - Vương, Mỹ - Càn - Thát - Bà - Vương, Mỹ - Âm - Càn - Thát - Bà - Vương, đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc.

Có bốn vị A - Tu - La Vương: Bà - Trí A - Tu - La Vương, Khu - La Khiên - Đà A - Tu - La Vương, Tỳ - Ma Chất - Đà A - Tu - La Vương, La - Hầu A - Tu - La Vương, đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc.

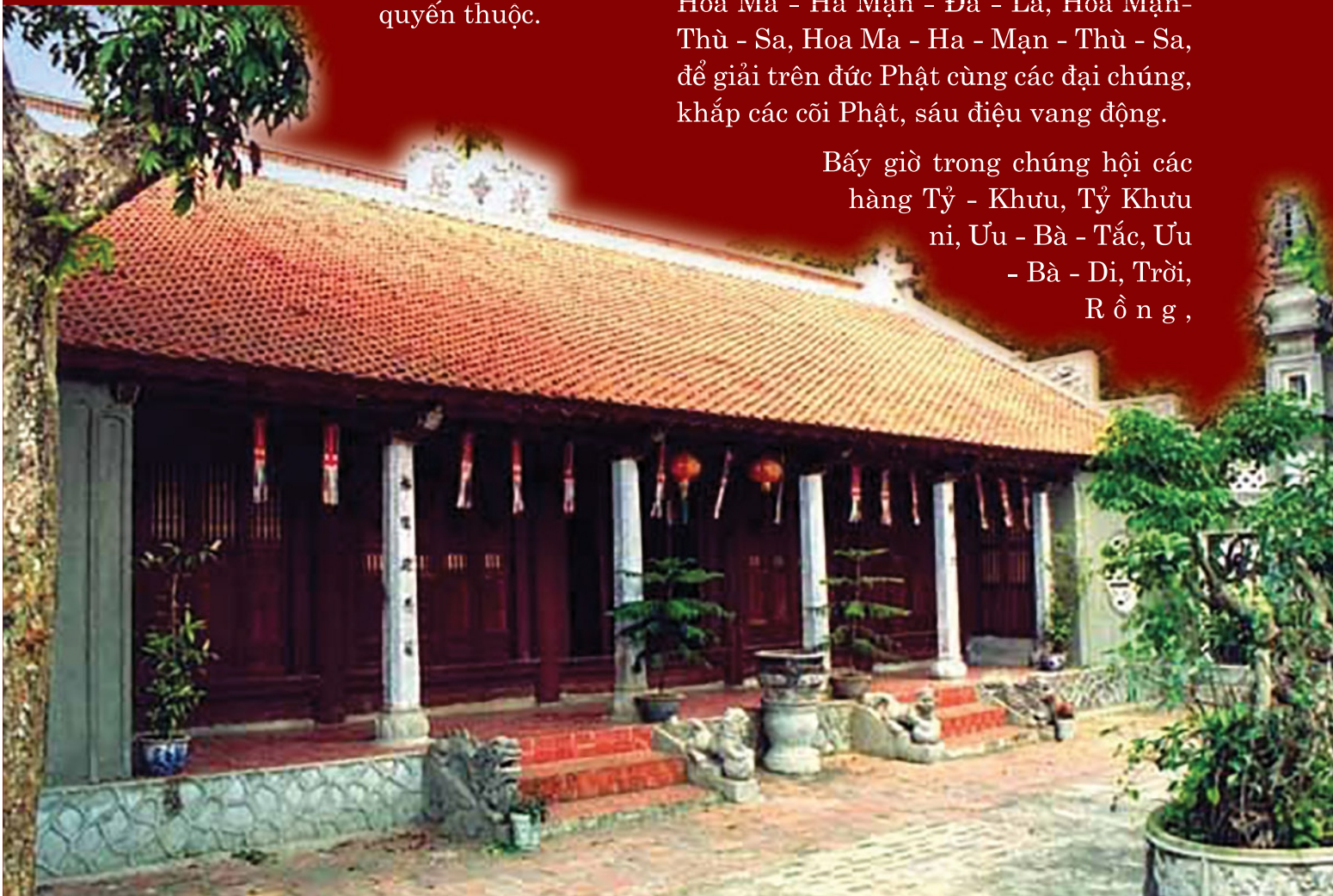
Có bốn vị Ca - Lô - La - Vương: Đại - Uy - Đức - Ca - Lô - La - Vương, Đại - Thân Ca - Lô - La - Vương, Đại - Mãn Ca - Lô - La - Vương, Như - Ý Ca - Lô - La - Vương, đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc.

Vua A - Xà - Thế con bà Vi - Đề - Hi, cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc. Đại chúng đều tề - tựu lễ dưới chân Phật rồi ngồi lui về một bên.

Bấy giờ hàng tứ chúng vây quanh đức Thế - Tôn mà cúng dàng, cung - kính tán thán tôn trọng, vì các Bồ - Tát nói kinh Đại - Thừa tên là “ Vô - Lượng - nghĩa giáo Bồ - Tát. Pháp Phật sở Hộ - niệm”. Nói kinh này xong, đức Phật ngồi xếp bằng nhập vào Chính định “ Vô - Lượng - Nghĩa - Xứ “, thân tâm không hề lay động.

Khi ấy trời mưa hoa Mạn - Đà - La, Hoa Ma - Ha Mạn - Đà - La, Hoa Mạn - Thù - Sa, Hoa Ma - Ha - Mạn - Thù - Sa, để rải trên đức Phật cùng các đại chúng, khắp các cõi Phật, sáu diệu vang động.

Bấy giờ trong chúng hội các hàng Tỳ - Khư, Tỳ Khư ni, Ưu - Bà - Tắc, Ưu - Bà - Di, Trời, R ồ n g ,



Dạ - Xoa, Càn - Thát - Bà, A - Tu - La, Ca- Lôu - La, Khẩn Na- La, Ma Hầu La - Già, Nhân và phi nhân, các vị tiểu Vương, chuyển luân Thánh vương. Tất cả đại chúng đều được thấy những việc chưa từng có, liền vui mừng chấp tay một lòng nhìn Phật.

Khi ấy ở giữa khoảng lông - mày đức Phật phóng ra tướng hào - quang trắng, chiếu khắp cả một muôn tám nghìn thế giới phương đông, dưới thì chiếu xuống địa ngục A - Tỳ, trên thấu suốt cõi trời Sắc - Cúu - Kính. Những người cõi này đều thấy sáu loài chúng - sinh ở các cõi kia. Lại thấy các đức Phật hiện tại ở các cõi kia và nghe chư Phật ở các cõi đó diễn nói kinh Pháp. Cùng thấy các hàng Tỷ - Khưu, Tỷ Khưu Ni, Ưu Bà - Tắc, Ưu Bà đi ở các cõi đó là người tu - hành đắc đạo. Lại thấy các vị Bồ - Tát và đại Bồ - Tát, dùng hết thảy các món nhân - duyên, các lòng tín giải, các loại tướng mạo mà tu - hành đạo Bồ - Tát. Lại thấy các đức Phật vào Niết bàn; lại thấy sau khi chư Phật vào Niết bàn, đem Xá - Lợi của Phật xây dựng tháp bằng bảy báu.

Bấy giờ Bồ - Tát Di - Lạc nghĩ rằng: “ Hôm nay đức Thế - Tôn hiện thân biến tướng, là vì duyên gì, mà lại có điềm lành này ?” Nay đức Thế - Tôn đương vào Chính - định, việc biến hiện hiếm có không thể nghĩ bàn nay ta sẽ hỏi ai, ai là người giải đáp? Ngài lại nghĩ rằng “ Chỉ có Ngài Văn Thù - Sư - Lợi pháp vương tử là người đã từng thân - cận cúng - dàng vô lượng chư Phật đời quá khứ, tất cả được thấy tướng hiếm có này, ta thử lại hỏi Ngài xem “.

Khi ấy hàng Tỷ - Khưu, Tỷ Khưu Ni, Ưu Bà - Tắc, Ưu Bà Di và các Trời, Rồng, Quỷ, Thần... đều nghĩ rằng: Tướng

thần thông của Phật chiếu sang đây, nay nên hỏi ai ?.

Bấy giờ Bồ - Tát - Di - Lạc muốn giải quyết chỗ nghi của mình, Ngài lại xem xét tâm của bốn chúng: Tỷ Khưu, Tỷ Khưu Ni, Ưu Bà - Tắc, Ưu Bà Di và cả Chúng - Hội Trời, Rồng, Quỷ, Thần ... mà hỏi Ngài Văn Thù Sư- Lợi rằng: Vì nhân - duyên gì mà có tướng điềm lành thần - thông này? Phật phóng ra hào - quang lớn chiếu khắp muôn tám nghìn về cõi phương Đông, đều thấy cõi nước Trang nghiêm của các đức Phật?. Bấy giờ Bồ - Tát Di - Lạc muốn tuyên lại nghĩa trên.

Bấy giờ Ngài Văn - Thù Sư- Lợi nói với Bồ - Tát Di - lạc cùng các vị Đại - Sĩ rằng: Các thiện - Nam - Tử ! Như chỗ tôi suy xét, thì nay đức Thế - Tôn muốn nói Pháp lớn, mưa pháp - vũ lớn, thổi pháp - loa lớn, đánh trống - pháp lớn và diễn nghĩa pháp lớn.

Các Thiện - nam - tử ! Về đời quá - khứ tôi từng ở chốn đức Phật, từng thấy điềm lành này, Phật phóng hào - quang đó rồi, tức là Ngài nói Pháp - lớn. Vì vậy biết rằng, hôm nay Phật hiện ra hào - quang cũng lại như thế. Vì Phật muốn cho chúng - sinh đều được nghe biết pháp - mầu mà hết thảy người đời khó tin theo, cho nên hiện ra điềm tốt ấy.

Các thiện - nam - tử ! Như về đời quá khứ không biết bao nhiêu a - tăng - kỳ kiếp, không thể nghĩ bàn được. Bấy giờ có đức Phật hiệu và Nhật - Nguyệt Đăng - Minh Như - Lai, Ứng - Cúng, Chính - Biến - Tri, Minh - Hạnh - Túc, Thiện - Thệ, Thế - gian - giải, Vô - Thượng - Sĩ, Điều - Ngự Trượng Phu, Thiên, Nhân Sư, Phật, Thế - Tôn diễn nói Chính - Pháp. Ban đầu, chặng giữa, sau cùng đều là lành thay, nghĩa lý sâu xa, lời lẽ khéo

léo nhiệm mầu, thuần nhất không tạp, đầy đủ tướng Phạm hạnh trong trắng. Ngài vì người cầu đạo Thanh Văn nói ra Pháp Tứ - Đế, độ cho khỏi khổ sinh, già, bệnh, chết được vui cứu kính Niết - Bàn. Vì người cầu quả Duyên Giác, nói Pháp mười hai nhân - duyên: Vì hàng Bồ - Tát nên nói sáu Pháp Ba - la - mật, khiến cho được đạo vô - thượng Chính - đẳng Chính - giác, thành bậc nhất thiết Chủng - Trí. Kế đó lại có đức Phật cùng hiệu là Nhật - Nguyệt Đăng - Minh, Như thế đến hai muôn đức Phật đều cùng một tên hiệu, là Nhật - Nguyệt Đăng - Minh, lại cùng một họ, họ Phả - La Đa.

Ngài Di - Lạc nên biết ! Đức Phật trước, đức Phật sau đều cùng một tên, hiệu là: Nhật - Nguyệt Đăng - Minh, mười hiệu đầy đủ, những pháp Ngài nói ra, ban đầu, giữa, sau cùng đều lạnh thay. Đức Phật sau cùng, lúc Ngài chưa đi xuất gia có tám vị Vương - Tử: Người thứ nhất tên là Hữu - Ý, thứ hai tên là Thiên - Ý, thứ ba tên là Vô - Lượng - Ý, thứ tư tên là Bảo - Ý, thứ năm tên là Tăng - Ý, thứ sáu tên là Trừ - Nghi - Ý, thứ bảy tên là Ưởng - Ý, thứ tám tên là Pháp - Ý. Tám vị Vương - Tử này uy - đức - tự - tại, đều lãnh trị bốn châu thiên - hạ. Các vị này, nghe tin vua cha xuất - gia chứng được đạo - quả Vô - Thượng Chính - Đẳng Chính - giác, đều bỏ ngôi vua cũng theo đi xuất gia, phát - tâm đại - thừa, thường - tu hạnh - thanh - tịnh, đều làm bậc Pháp - sư. Vì thừa trước kia đã từng

ở chốn muôn nghìn đức Phật trồng mọi căn lành.

Khi ấy đức Phật Nhật - Nguyệt Đăng - Minh nói kinh Đại - thừa tên “ Vô - Lượng - Nghĩa Giáo Bồ - Tát Pháp, Phật Sở Hộ - Niệm”. Nói kinh này rồi, Phật ở ngay trong đại - chúng, ngồi kết - già - phu vào cảnh chính - định “ Vô - Lượng Nghĩa - Xú “ Thân tâm chẳng động.

Lúc đó trời mưa hóa Mạn - Đà - La, hoa Ma - Ha Mạn - Đà - La, hoa Mạn - thù - sa, hoa Ma - ha Mạn - thù - sa, rải trên đức Phật và các đại chúng. Khắp cả cõi Phật sáu diệu rung động. Khi ấy trong chúng hội các hàng Tỷ Khưu, Tỷ Khưu ni, Ưu - bà - Tắc, Ưu - Bà - Di, Trời, Rồng, Dạ - xoa, Càn - Thát - Bà, A - Tu - La, Ca - Lô - la, Khẩn Nan - Na, Ma Hầu La - Già, Nhân và phi nhân, các vị Tiểu - Vương, Chuyển luân Thánh Vương... hết thấy đại chúng, được nghe điều chưa từng có, đều vui mừng chấp tay một lòng chiêm ngưỡng đức Phật.

Bấy giờ từ khoảng giữa lông - mày đức Như - lai phóng ra tướng hào - quang trắng, chiếu sáng khắp cả một muôn tám nghìn cõi Phật ở phương Đông, như nay đương thấy ở cõi Phật đây.

Ngài Di - Lạc nên biết ! Lúc ấy trong hội có hai mươi đức Bồ - Tát, ưa thích nghe pháp, các vị Bồ - Tát đó, thấy hào - quang sáng chiếu khắp các cõi Phật, được thấy việc chưa từng có, đều muốn biết vì lý do gì mà có hào - quang này. Khi ấy có



vị Bồ - Tát tên là Diệu - Quang, có tám trăm người đệ - tử.

Bấy giờ đức Phật Nhật - Nguyệt Đăng Minh từ trong chính - định trở dậy, vì Bồ - Tát Diệu - Quang nói kinh Đại - thừa tên là “ Diệu - Pháp Liên - Hoa Giáo Bồ - Tát Pháp, Phật Sở Hộ - Niệm” trải sáu mươi tiên kiếp không rời khỏi tòa ngời.

Khi ấy thính giả trong Pháp - hội, cùng ngời ở một nơi, đến sáu mươi tiên kiếp, thân tâm đều không lay động. Nghe Phật nói pháp, cho là như khoảng bữa ăn. Trong chúng khi ấy không có một ai dù thân dù tâm sinh ra mỗi mệ.

Đức Phật Nhật - Nguyệt Đăng - Minh sáu mươi tiên kiếp nói kinh ấy rồi, liền ở trong chúng Ma - phạm, Sa - môn, Bà - la - môn. Trời, Người A-tu-la, mà tuyên nói rằng: “ Nửa đêm hôm nay Như - Lai sẽ vào vô - dư Niết - Bàn “. Bấy giờ có vị Bồ - Tát tên là Đức - Tạng, Đức Phật Nhật - Nguyệt Đăng - Minh liền thụ - ký cho. Ngài bảo các vị Tỷ - Khư rằng “ Bồ - Tát Đức - Tạng dạy sau này sẽ được thành Phật, hiệu là Tịnh - Thân Như - Lai, Ứng - cúng Chính - đẳng Chính - giác. Phật thụ - ký xong, nửa đêm hôm đó liền vào “ Vô dư - Niết Bàn”.

Sau khi Phật diệt độ, Bồ - Tát Diệu - Quang trì kinh Diệu - Pháp - Liên - Hoa và diễn nói cho người khác nghe đủ tám mươi tiên kiếp. Tám người con của Đức Phật Nhật - Nguyệt Đăng -

Minh đều nhờ sự giáo hóa của Ngài Diệu - Quang khiến cho kiên - cố ở nơi đạo Vô Thượng Chính - Đẳng chính - giác. Các vị Vương tử đó, cúng - dàng vô - lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật rồi, đều được thành Phật. Người thành Phật sau cùng, hiệu là Nhiên - Đăng.

Trong hàng tám trăm người đệ - tử, lại có một người tên là Cầu - Danh. Người này vì tham ưa danh lợi, tuy cũng hay đọc tụng các kinh mà không thông thuộc, phần nhiều lại hay quên mất vì thế gọi là Cầu - Danh. Người này cũng nhờ nhân duyên trông mọi căn lành, nên được gặp vô - lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật, đem lòng cung - kính cúng - dàng tôn - trọng khen ngợi.

Ngài Di - Lạc nên biết ! Bồ - Tát Diệu - Quang khi ấy, đâu phải ai xa lạ, mà chính là tôi, còn Bồ - Tát Cầu - Danh chính là Ngài vậy. Nay thấy diêm này, không khác gì xưa kia, cho nên tôi suy nghĩ rằng: Hôm nay đức Như - Lai sẽ nói kinh Đại - thừa tên là “ Diệu - Pháp Liên - Hoa Giáo Bồ - Tát Pháp, Phật Sở Hộ - Niệm”.

Bấy giờ ở trong đại chúng Bồ - Tát Văn - Thù Sư - Lợi, muốn tuyên lại nghĩa trên.



Tam căn bản



T.T. Thích Minh Trí

Những năm gần đây số lượng người về chùa lễ Phật ngày một đông, đây là một dấu hiệu tốt cho xã hội, vì mọi người về Chùa lễ Phật không chỉ là một nhu cầu như một món ăn tinh thần mà còn thể hiện tâm nguyện hướng thiện, ý chí vươn lên để hoàn thiện nhân cách, đồng thời cùng cộng đồng xây dựng một xã hội hòa bình, hạnh phúc và an lạc, một cảnh giới cực lạc tại trần gian. Xét về tổng thể, mọi người về Chùa lễ Phật đều nhất tâm, nhưng nói như vậy không phải ai cũng hiểu hết ý nghĩa và mục đích của việc về Chùa lễ Phật. Đặc

biệt, Phật giáo là một tôn giáo của từ bi và trí tuệ, mọi hành vi của người theo Phật đều phải là chính tín. Ngược lại, nếu hành động của chúng ta không thông qua tư duy quan sát, làm theo một cách thụ động thì hành vi đó chính là mê tín dị đoan. Ví như có người tới chùa lễ Phật nhưng cách ăn mặc lại hở hang như mặc váy, quần cộc hay áo hở nách, hoặc đi lễ Phật mà ăn nói thô tục ồn ào náo nhiệt, những hành vi này đều không đúng và không phù hợp nơi cửa chùa. Cũng lại có người về Chùa lễ Phật có chút vật phẩm bày đặt lên ban thờ như một sự trao đổi hay bố thí. Tiền lễ thì dặt vào tay tượng, lòng tượng,

những hành vi này đều không đúng, nó làm mất đi tính trang nghiêm nơi chốn linh thiêng, mất đi vẻ đẹp của văn hóa tôn giáo. Vì vậy, nhân đây tôi xin được chia sẻ tóm tắt của ba việc cơ bản khi về Chùa lễ Phật, giúp cho mọi người hiểu thêm về ý nghĩa và mục đích khi về chùa lễ Phật, để giữ gìn văn hóa Phật giáo, cũng như mang lại lợi lạc nhất cho mình và cộng đồng.

*** Điều căn bản thứ nhất: Cúng dàng**

Chắc sẽ có người hỏi! Vì sao cần phải cúng dàng? Cúng cho ai và cúng cái gì? Cúng dàng sẽ được hưởng công đức ra sao?. Trên thực tế, cúng dàng không như việc bố thí hay làm

từ thiện, càng không như một sự trao đổi, mà cúng dàng là hành động tập xả bỏ lòng tham, là tâm dâng hiến hướng thượng, công đức không phụ thuộc vào giá trị vật chất mà phụ thuộc vào sự thành tâm của thí chủ.

- Cúng dàng là tập xả bỏ: Tập tính của chúng ta bị hun đúc từ bao đời kiếp, trong đó có những tập tính xấu như, tham lam, keo kiệt, bủn xỉn, đố kỵ.v.v, những tập tính này như những sợi dây trói, trói buộc tâm ta, khiến cho ta sống không cởi mở, không biết chia sẻ, luôn luôn cảm thấy thiếu thốn, khổ sở cho dù ta có rất nhiều tài sản, bởi đây chính cái gọi là (lòng tham không đáy). Mà được coi là giàu có không phải là họ

nắm giữ nhiều tài sản vật chất, mà là người biết cho đi và chia sẻ nhiều nhất.

- Đồng thời đời này chúng ta giàu nghèo đều phụ thuộc vào luật nhân quả, vạn sự vạn vật đều không ra ngoài luật nhân quả này. Như Đức Phật đã dạy: “Muốn biết đời quá khứ, hãy nhìn vào cuộc sống hiện tại. Muốn biết đời tương lai, hãy nhìn vào hành động hiện tại”. Đời này chúng ta được giàu sang phú quý là bởi những đời trước chúng ta đã chăm chỉ làm việc, biết bố thí cho kẻ nghèo khó, biết cúng dàng lên các bậc trưởng thượng. Đời này ta phải khốn khó, khổ sở, nghèo hèn bởi nhiều đời ta sống tham lam, keo kiệt và bủn xỉn. Do đó, tương lai của chúng ta

chính là đang phụ thuộc vào những hành vi trong hiện tại.

- Bên cạnh đó, chúng ta về cầu Phật, mong muốn Phật hiểu cho nỗi lòng và cảm xúc của ta, mong Ngài rủ lòng thương độ cho ta. Mà ta vẫn còn giữ tâm tham lam, keo kiệt, bủn xỉn thì sao có sự cảm ứng. Bởi Đức Phật là thanh tịnh, là vô ngã vị tha, nên ta và Phật sẽ không thể là (Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu) được, do vậy, cúng dàng chính là tập xả bỏ lòng tham.

- Với người cầu đạo thì phải “Xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần” nên việc xả bỏ vật chất mà ta còn không làm được thì sao nói xả thân để cầu đạo. Chính vì vậy, việc cúng dàng là một ân huệ từ Tam bảo.

*** Điều căn bản thứ hai:
Tán thán.**

Tán thán hay ca ngợi, trước tiên đây nói lên sự hiểu biết rõ ràng, minh bạch về Đức Phật cũng như Giáo Pháp của Ngài. Giáo pháp của Ngài được ví như mặt trời xua tan đêm tối, như nước cam lộ tưới mát tâm hồn khô héo đau khổ của chúng sinh, như thuốc chữa lành những căn bệnh, như đất màu mỡ cho muôn loài sinh trưởng, như thuyền bè đưa ta qua bờ giải thoát giác ngộ.

Đức Phật là bậc vô thượng chính đẳng chính giác, là thầy của trời người, là cha lành của bốn loài. Do đó, tán thán là lễ bái, tụng đọc những lời dạy của Ngài. Lễ bái cần phải chân thành, khẩn thiết, như chúng ta đang đói khát cần

cơm ăn nước uống vậy. Khi lễ phải năm vóc sát đất gọi là (ngũ thể đầu địa), phải đứng, quỳ cho ngay ngắn trang nghiêm, tâm phải quán chiếu tới hảo tướng của Đức Phật, gọi là (nhất thiết cung kính, nhất tâm kính lễ...).

Lễ và vái mang hai ý nghĩa khác nhau. Vái là vái chào khi đến chùa, và khi ra về, còn lễ là phải ngũ thể đầu địa. Lễ cũng có phân làm tiểu lễ, trung lễ và đại lễ.

- Tiểu lễ: Là đối trước tam bảo, quỳ gối, hai tay chấp trước ngực mỗi lễ sẽ đầu chạm đất (ngũ thể đầu địa).

- Trung lễ: Là đứng trang nghiêm trước tam bảo, hai tay chấp trước ngực, khi lễ thì từ từ quỳ gối xuống trước, sau đến hai tay và đầu đều chạm đất.

- Đại lễ: Là đứng trang nghiêm trước tam bảo, hai tay chấp trước ngực, khi lễ hành giả xoay người xuống đất (tức toàn thân nằm phủ phục trên đất, hai tay đẩy về phía trước biểu hiện sự dâng hiến tất cả lên mười phương Chư Phật...).

Phần tụng đọc: Phải đọc rõ ràng từng câu, từng chữ, không được bỏ sót chữ nào. Nếu có chuông mõ, nhất nhất phải tụng theo nhịp mõ, không đọc trước đọc sau nhịp mõ, tụng đọc phải như nuốt từng câu từng chữ vào trong tâm. Phần này cũng phân ra làm tán kinh, đọc kinh, tụng kinh và niệm kinh.

*** Điều căn bản thứ ba:
Thính Pháp.**

Thế gian có câu: “Không thầy đố mày làm lên”. Với Phật giáo, Tăng là người xuất gia, được gọi là (sứ giả của Như Lai) người có trách nhiệm truyền bá giáo lý từ kim khẩu của Đức Phật thuyết ra, sau được ghi chép lại thành Tam tạng thánh điển đó là: Kinh, luật, luận. Thánh điển mà Đức Phật nói ra bao hàm cả nhân sinh quan, vũ trụ quan, bao hàm từ những việc nhỏ nhất của mỗi con người cho đến cả xã hội,





tất cả không ngoài mục đích giúp chúng sinh (ngộ nhập Phật trí kiến).

Giáo lý của Đức Phật từ nông đến sâu, như mưa xuống rừng cây tùy từng căn cơ của chúng sinh mà ngộ nhập, giáo lý của Ngài như những toa thuốc có thể chữa lành những căn bệnh khổ về tâm, là bậc thầy chỉ đường cho chúng sinh đi tới bến bờ chân hạnh phúc. Trong thời hiện đại, kinh điển của Phật giáo được in ấn phát hành rất rộng rãi. Nhưng vẫn cần phải có những bậc thầy chỉ dẫn cho chúng ta thực hành. Bởi Phật giáo là tôn giáo thực nghiệm, kinh sách thuộc về lý thuyết, nên muốn ngộ nhập được giáo lý cần phải có thực tu. Do đó, trong nhà Phật có câu “Học mà không tu chỉ là học giả, tu mà không học thì đó là tu mù”.

Cúng dàng, lễ Phật là những phương pháp xả bỏ chấp ngã, giúp ta vượt qua những cảm xúc của kiêu mạn và lòng tự ti, khai mở tứ vô lượng tâm. Thực hành Phật pháp bằng tụng đọc những lời giáo huấn từ Đức Phật không chỉ giúp chúng ta tăng trưởng trí tuệ mà còn là sợi dây kết nối giữa Phật và chúng sinh. Nhờ đó mà chúng ta đón nhận được sự an lạc và Giải thoát./.



Con không từ trên trời rơi xuống, cũng chẳng phải dưới đất chui lên, mà con được sinh từ tình yêu thương của cha và mẹ. Cha mẹ đã sinh ra con, nuôi nấng dạy dỗ con

một kỳ quan vĩ đại mà con cả đời không khám phá hết, lúc con lớn khôn cũng là lúc cha mẹ khuất núi ngàn thu. Mùa Vu Lan đến, bên nắm mộ xanh cỏ dại, bây giờ con mới thấm hai chữ "mồ côi". Nhân tiết Vu Lan này, con xin hơn một lần khám phá kỳ quan trong lòng mẹ.

này không ai yêu thương con bằng mẹ. Mẹ như bậc lương y khi con trái gió trở trời, như ông tiên khi con đói cơm khát sữa, hoặc có những khi chỉ là những thú vui trò chơi trẻ nhỏ mẹ cũng nựng chiều âu yếm bên con. Mẹ như ông Bụt xót xa khi con vấp ngã, trong trường đời cho dù con

Mẹ là người thầy CAO QUÝ NHẤT

lên người, công lao đó thật không kể hết "Công cha như núi thái sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra". Tình yêu của cha mẹ giành cho con như biển trời, dù con để cha mẹ lên vai gánh hết cuộc đời cũng không trả hết công lao sinh dưỡng của cha mẹ, và có lấy cây trên rừng làm bút, lấy nước biển làm mực cũng không viết hết công lao của Cha mẹ. Cha mẹ không chỉ cho con hình hài, mà còn cho con cả một nhân cách. Cha nghiêm nghị để cho con sức mạnh vượt qua mưa giông bão tố, mẹ hiền từ để cho con lòng bao dung độ lượng gắn kết những trái tim. Tấm lòng của cha mẹ như

- Mẹ là điểm tựa an toàn nhất

Từ khi con được hình thành trong bụng mẹ, con đã được đón nhận tình yêu thương mầu tử từ dòng máu vô tư mà mẹ truyền cho con, cho dù mẹ phải chịu hao mòn, nhọc nhằn thể xác nhưng mẹ vẫn vui và đầy hoan hỉ, mẹ như vị Bồ Tát cho mà không tính đến. Đến khi đủ chín tháng mười ngày con chào đời, cũng là lúc mẹ đau đớn thập tử nhất sinh, vậy mà mẹ vẫn cầu nguyện cho con tròn đầy hình tướng. Đúng là (Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình, như cơm nếp một, như đường mía lau) thật ấm áp ngọt ngào, cả thế gian

được - mất, thắng - thua, mẹ luôn bên cạnh an ủi, động viên, khích lệ và chia sẻ, mẹ luôn giữ thăng bằng cho con vững tin bước tiếp. Bây giờ, cho dù con có là tỷ phú hay giáo sư, có là ông kia bà nọ cũng vẫn chỉ là đứa con nhỏ bé của mẹ, lòng mẹ thương con như biển hồ lai láng, thật tròn đầy như một vị Bồ Tát hiện thân, chẳng thế mà Đức Phật đã dạy, trong nhà con có hai vị Phật.

- Mẹ là người thầy tận tụy nhất thế gian

Chúng ta vẫn thường chỉ có suy nghĩ, thầy giáo, cô giáo là những người truyền trao cho chúng ta tri thức mà không để ý tới cha mẹ ta

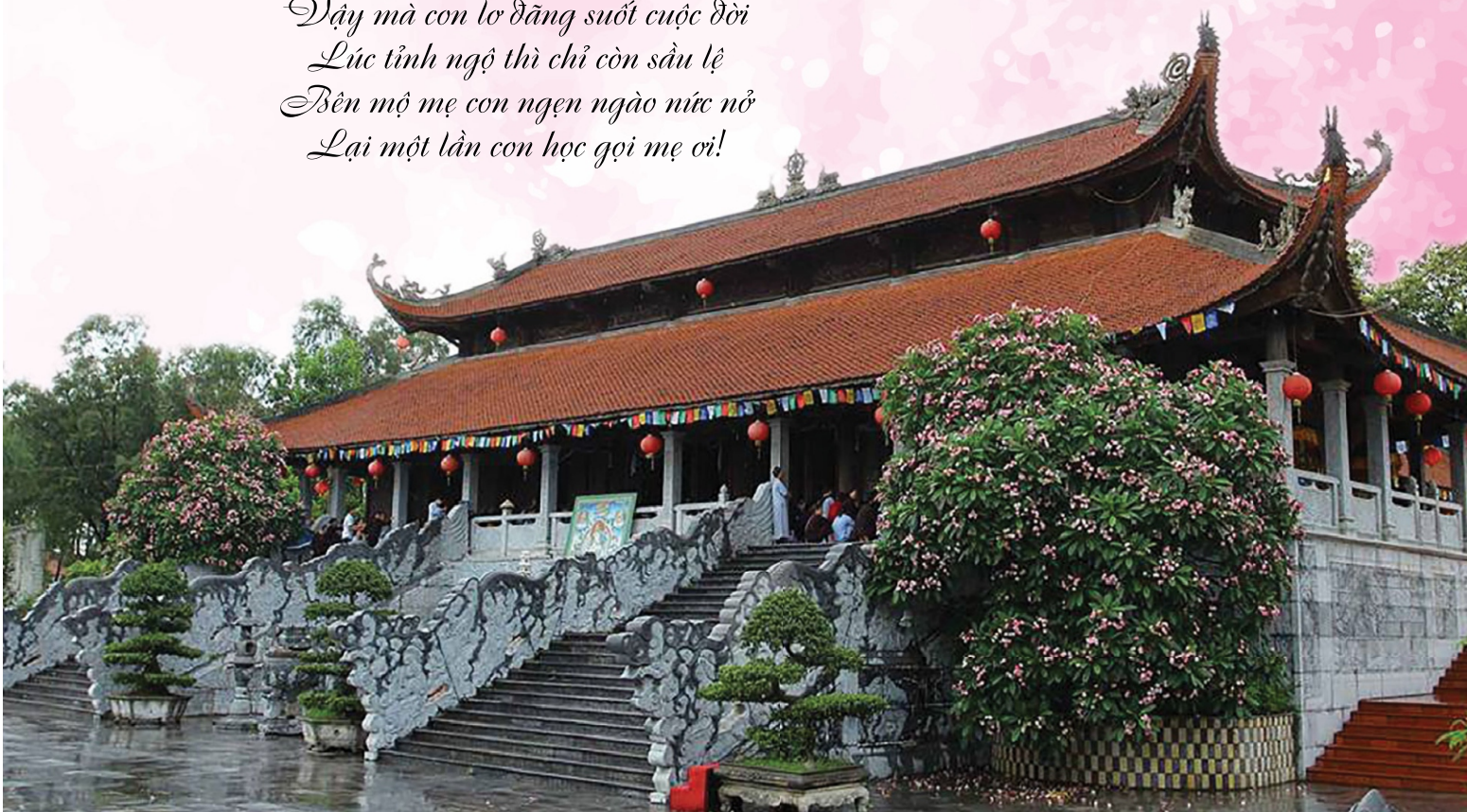
cũng chính là những người thầy, cô giáo của ta từ đầu đời cho tới khi lớn khôn. Bởi, việc giáo dục để hoàn thiện nhân cách cho một con người cần phải từ và đủ ba yếu tố môi trường đó là: Gia đình, nhà trường và xã hội, nếu thiếu một trong ba yếu tố này, khó có thể cho ra những con người có đủ cả tài và đức, trong đó giáo dục gia đình được coi là mấu chốt quan trọng trong việc hình thành nhân cách.

Tuy rằng trong dân gian có nói : "Cha mẹ sinh con, trời sinh tính" nhưng cái được gọi là "tính" đó không phải là tuyệt đối, cũng giống như học thuyết "Định mệnh".

Cái định mệnh này là thuộc về quá khứ, còn hiện tại và tương lai của mỗi con người còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố giáo dục trong hiện tại. Từ khi mới sinh ra, mẹ đã dạy cho con từ cách ăn cách ngủ, cách nằm cách ngồi, rồi những bước chân chập chững đầu đời. Cha mẹ là điểm tựa vững chắc nâng đỡ cho con, cha mẹ là người dạy cho con tiếng gọi đầu tiên khi con tập hội nhập vào thế giới của nhân loại. Ra tới trường mẹ dạy con cách ứng xử với thầy cô, bầu bạn, dạy cho con cả cách yêu thương và chia sẻ, hãy thương người như thể thương thân, và vươn lên để thành người có ích.

Khi lớn lên ra tới trường đời, con đi làm, công tác hay kinh doanh, hàng ngày mẹ vẫn mòn mỏi ngóng chờ tin con, nhìn con có hề hấn gì không. Mỗi suy nghĩ của con mẹ đều đo lường tính toán, xem con mẹ đã chứng chạc lên chưa để đối diện với trường đời khốc liệt. Con thưa mẹ! Xin mẹ hãy chớ lo, nhưng mẹ bảo rằng: Người trèo cây không sợ bằng người dưới gốc, trên đời này nước mắt chảy xuôi chứ có chảy ngược bao giờ. Vậy mà con đại khờ không hiểu ý sâu của mẹ, đến khi con thật hiểu ra thì mẹ lại không còn.

*Cha và mẹ là người thầy tuyệt nhất
Chẳng bao giờ hỏi học phí nơi con
Chỉ mong con sớm thành người hữu ích
Ấm thân con là cha mẹ vui rồi
Vậy mà con lơ đãng suốt cuộc đời
Lúc tỉnh ngộ thì chỉ còn sầu lệ
Đền mộ mẹ con ngen ngào nước nở
Lại một lần con học gọi mẹ ơi!*





GIÁC NGỘ

*Nam mô Bản Sư thích ca
Mâu ni Phật!*

Nhân Mùa Vu Lan Báo Hiếu Báo Ân, đệ tử con được sự cho phép của Nhị Vị Ân sư khuyến khích sách tấn, con xin mạo muội viết lên đôi dòng suy nghĩ, và nhận thức của con trong thời gian hơn mười năm theo Phật, đệ tử con tuy rằng Nghiệp sâu Tuệ cạn nên không tránh khỏi những sai sót, câu chữ còn lủng củng, kính mong Nhị Vị ân sư, các Bậc Cao Tăng, Thiện tri thức hoan hỷ chỉ dạy cho con. Nam Mô Hoan Hỷ tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

Là đệ tử Phật, nhất là Hành giả tu Mật Tông Kim Cương Thừa, chúng ta cần phải hiểu những lời dạy của đức Phật một cách Khoa học, biện chứng hay nói cách khác chúng ta hãy dùng tư duy Khoa học để quán chiếu những lời Phật dạy.

Ngày nay các nhà khoa học trên thế giới đã phải thừa nhận giá trị của giáo lý mà Đức Phật đã truyền dạy là chân lý của vũ trụ, ngay bản Thân đức Phật ngài cũng chỉ nói là ngài (Thuyết) mà thôi.

Ông Albert Einstein, nhà Vật lý lỗi lạc của thế kỷ XX người phát minh ra bom nguyên tử, mười năm cuối đời đã ăn chay và nghiên cứu đạo Phật, và Ông đã nói:

“Nếu có một tôn giáo nào đương đầu với các nhu cầu của khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại quan điểm của mình để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học. Phật giáo không cần từ bỏ quan điểm của mình để xu hướng theo khoa học, vì Phật giáo bao hàm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học” *If there is any religion that would cope with modern scientific needs, it would be Buddhism. Buddhism requires no revision to keep it up to date with*

recent scientific finding. Buddhism need no surrender ít vieww to science, because it embraces science as well as goes beyond science. (Cả hai câu trên được trích từ Collected famous quotes from Albert Einstein. <http://rescomp.stanford.edu/~cheshire/>)

“Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực trên trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật Giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó” (The religion of the future Will be a cosmic religion. It Would transcend a person God and avoid dogmas and theology. Covering both the natural and th spiriual, it should be based on a religious sence, arising from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity. Buddhism answers this description).

Trên bước đường tu tập việc đầu tiên chúng ta phải hiểu và minh triết 3 vấn đề cơ bản:

- 1- Lục Đạo Luân Hồi.
- 2- Luật Nhân Quả

3- Quá trình Tái sinh diễn ra như thế nào?

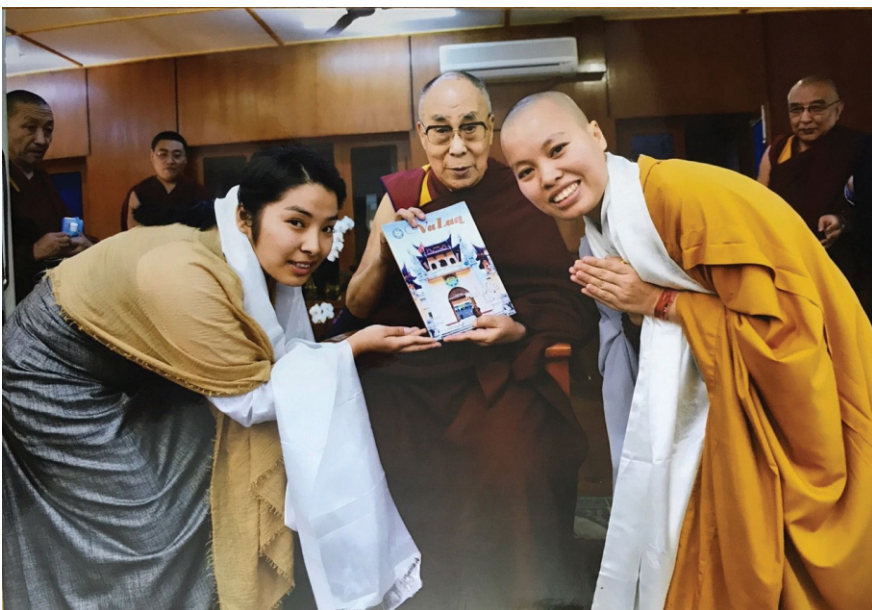
3 Vấn đề này chúng ta tách ra nhưng chúng lại liên hệ mật thiết với nhau rất chặt chẽ và khăng khít không thể tách rời.

A- LỤC ĐẠO LUÂN HỒI

Là đệ tử Phật chúng ta ai cũng biết Lục Đạo Luân Hồi, điều này do Đức Phật đã tuyên thuyết, nhưng chúng ta có tin tuyệt đối hay không? Trong chúng ta ai cũng nói tin luật nhân quả, rằng luật nhân quả là Khoa học, vvv, nhưng hỏi ngược lại có tin mình có kiếp sau không? Có tin rằng có 6 cõi trong lục đạo luân hồi không? Thì lại lưỡng lự câu trả lời... Thậm chí có những người còn nói rằng không có ?.

Nếu đã tin Luật nhân quả thì đương nhiên chúng ta (hay Chúng sinh) chắc chắn có kiếp sau, vì nếu như không có kiếp sau thì luật nhân quả sẽ sai, chẳng hạn có một kẻ thủ ác giết người sau đó kẻ đó đi làm phẫu thuật thẩm mỹ, thay đổi vân tay, làm lại giấy tờ tùy thân, và đến một nơi hẻo lánh sinh sống và kẻ đó sống hết kiếp này mà không bị trừng phạt tội giết người kia. Vậy nếu kẻ đó không có kiếp sau kiếp sau nữa để trả món nợ giết người đó thì luật nhân quả không đúng rồi?.

Các nhà khoa học nghiên cứu và chứng minh được bộ não và hệ thống thần kinh của chúng ta mang năng lượng điện tích rất là vi tế, đó chính là Tâm thức của chúng ta, mà các tôn giáo khác thì gọi là Linh hồn, trong chúng ta ai cũng học qua định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng của Lomonoxop, vậy khi chúng ta chết đi Tâm thức của chúng ta có bị mất không? Câu trả lời là không. Chiếu theo định luật bảo toàn và chuy



của Lomonoxop nó sẽ chuyển đến một nơi mới khi cái thân xác cũ không còn dùng được nữa, vậy là có nơi chốn để tới - Đó chính là kiếp sau của mỗi chúng sinh. Hơn nữa Tâm thức hay Linh Hồn của chúng sinh là một dạng năng lượng sinh học (chúng sinh hữu tình) không thể gá vào cây cỏ gỗ đá.

Mà Luật nhân quả thì các nhà khoa học đều thừa nhận là đúng, ngay bản thân khoa học cũng chính là Nhân quả thực nghiệm mà có. Qua quá trình tư duy logic như vậy chúng ta sẽ hiểu và tin một cách khoa học rằng Lục đạo Luân hồi là có thật chứ không phải Đức Phật nói ra để dọa chúng sinh.

B- LUẬT NHÂN QUẢ

Luật Nhân Quả và Nghiệp thì trong chúng ta ai cũng hiểu rồi.

Vậy ai, cái gì lôi chúng ta đi, dẫn chúng ta đi tái sinh, đó chính là Luật Nhân quả hay là nghiệp của chúng ta đơn giản như lời Đức Phật nói là “Chúng sinh là Chủ nợ của Nghiệp và là con nợ của Nghiệp” các cụ nhà ta trong nhân gian hay có câu “Bụng làm Dạ chịu” Bụng và Dạ là một. Khi chúng ta hiểu và tin một cách hoa học rằng chúng ta có kiếp sau vậy thì sẽ có kiếp trước của cái

kiếp này, và sẽ có kiếp trước của nó cứ như vậy vô cùng vô tận, cho nên Đức Phật mới nói rằng “Sự sống của chúng sinh là một dòng chảy không hề gián đoạn không có điểm khởi đầu và cũng không có điểm kết thúc, giống như sợi dây dài vô tận mà có vô số các nút buộc ở trên đó, mà cái nút các con nhìn thấy chính là cái kiếp hiện tại này của các con”, và Đức Phật ngài đã dùng một bài toán so sánh về số lượng kiếp của một chúng sinh đã trải qua như thế nào? Ngài nói “Cát sông Hằng Như Lai có thể đếm được từng hạt, nhưng số lượng kiếp của một chúng sinh đã trải qua Như Lai không thể đếm được”.

Chúng ta đã tạo nên một núi nghiệp lớn như núi Tu Di chỉ cần bốc một nhúm nhỏ đã đủ lập trình cho một kiếp chúng ta sống cả trăm năm rồi.

Đức Phật đã nói “Ta là Phật ta thương chúng sinh hơn cả đứa con độc nhất của ta vậy mà ta cũng chẳng thể thưởng thiện phạt ác gì được, ta chỉ có thể cho các con một con đường, còn các con phải tự thấp đức lên mà đi” chúng ta phải tự ngộ ra và phải tự tìm đường đi cho chính bản thân chúng ta. Và đừng đánh mất cơ hội được làm người đang hiện hữu trong kiếp sống này.



C- QUÁ TRÌNH TÁI SINH DIỄN RA NHƯ THẾ NÀO?

Do đó chúng sinh đi tái sinh trong lục đạo luân hồi là do Nghiệp của chúng sinh đó, không có một thế lực nào can thiệp vào quá trình này được. Ngay bản thân Đức Từ phụ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đại diện cho lòng Bi Mẫn của mười phương chư Phật cũng không thể làm được, chính vì các Ngài không thể can thiệp thay đổi được luật nhân quả, Nghiệp của chúng sinh, do vậy mà Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni của chúng ta mới phải trải qua suốt 49 năm để hoàng truyền Phật Pháp.

Chính vì vậy, do lòng Bi mẫn thương xót chúng sinh mà Đức Phật mới Dẫn Sinh về cõi này trong hình tướng loài người để dạy dỗ chúng ta tu tập vì chỉ chính chúng ta mới thay đổi được quá trình tái sinh của mỗi chúng ta.

Như trên đã trình bày, mỗi chúng sinh đều có Tâm thức (Linh Hồn) chúng ta phải hiểu nó giống như một thẻ nhớ, một siêu chip vô hình có trữ lượng vô cùng lớn tự động lưu trữ tất cả các thông tin từ Thân, Khẩu, Ý của chúng ta phát sinh ra đều được ghi chép tỉ mỉ từ hiện tại trở về quá khứ, khi nghiệp của chúng ta đến giờ phút mạng chung, khi Tâm thức của chúng ta ra khỏi cơ thể thì cái thẻ Tâm thức của chúng ta lập tức được nạp vào máy chủ và trong một sát na máy chủ đã tính toán xong cho kiếp kế tiếp chúng ta tái sinh về đâu, toàn bộ chi tiết từng giây từng phút của kiếp kế tiếp đã được tính toán xong do chính nghiệp của chúng ta đã tạo và đã đủ duyên để tạo Quả. Và chúng ta chỉ còn chờ cơ hội đầu thai sẽ tới trong vòng 7x7, 49 ngày mà thôi, và tất nhiên sự tái sinh cũng có thể xảy ra tức thì ngay lập tức như trong Kinh Đức Phật nói giống như ném một nắm hạt giống lên hư không khi hạt rơi xuống

đó chính là thời khắc Tái sinh, đây chính là nhân quả của hai loại người Cực Thiện và Cực ác.

Và chúng ta phải Ngộ ra được là cả quá trình tái sinh do Nghiệp Lực dẫn chúng ta đi tái sinh, trôi lăn trong lục đạo luân hồi, không có một thế lực nào can thiệp vào được, Đức Bổn sư và Mười Phương Chư Phật, chư vị Bồ Tát vô cùng thương xót chúng ta, như Đức Bổn Sư đã từng nói “Mỗi chúng sinh ít nhất đã từng một lần là Cha là Mẹ, là Vợ là Chồng, là con cái của Ta từ vô lượng kiếp” và Ngài đã nói Ngài và Mười phương Chư Phật cũng có 4 điều không làm được: Một là không dùng được Bánh xe luân hồi sinh tử; Hai là không thay đổi được Luật Nhân Quả; Ba là không thể ban cho Trí Tuệ; Bốn là không độ được người không có duyên với Ngài. Qua quá trình tư duy khoa học, và không mê tín như vậy để chúng ta tự lựa chọn con đường mình sẽ đi, sẽ tu tập như thế nào khi chúng ta đã là một Phật tử, đừng chạy theo hết Thầy này sang Thầy khác, hết chùa này tới chùa kia, chúng ta Tâm sư học đạo là đúng đắn, nhưng phải có trí tuệ, đừng quá cố chấp và đừng chạy theo hiệu ứng đám đông.

Trên đây là đôi điều, một chút kiến thức về Tâm Linh mà đệ tử con đã lĩnh hội được từ những lời chỉ dạy của Nhị vị Ân Sư, Thượng Tọa Thích Minh Trí, Thượng tọa Thích Minh Ngọc, xin được viết ra đây mong rằng sẽ đem lại một chút lợi ích cho các đạo hữu đồng tu. Nếu có chút công đức nào con xin được hồi hướng cho vô lượng Hữu tình đều trọn thành Phật Đạo.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát!.

Mùa Vu Lan Báo Hiếu Báo Ân năm 2020

Đệ tử: Nguyễn Văn Khoa - pháp danh Phúc Khôi



Con đường ngắn nhất đến với **GIÁC NGỘ**

Năng lượng yêu thương là nguồn năng lượng bất tận nuôi dưỡng mọi sự sống. Cây cần nước, dưỡng khí, ánh nắng mặt trời, sự chăm sóc của thiên nhiên và con người. Tất cả đó đều là năng lượng yêu thương. Con người và muôn loài cũng vậy, được nuôi dưỡng bằng năng lượng của tình thương yêu. Khi bạn làm tổn hại đến ai, nguồn năng lượng bạn sản sinh ra khi ấy không phải là năng lượng yêu thương và trước khi làm tổn hại đến người khác, chính bạn đã bị tổn hại trước. Đó chính là hòn than bạn đang nắm trong tay mình trước khi bạn ném nó sang người khác. Vậy chỉ có yêu thương mới làm cho bạn hạnh phúc và cho người hạnh phúc.

Nhưng cái yêu thương mà tôi đề cập ở đây là yêu thương vô điều kiện, yêu thương vô ngã, yêu thương với trí tuệ vô phân biệt - Trí tuệ ba la mật.

Nếu ta yêu thương ai với điều kiện bất kỳ nào, khi điều kiện vị kỷ đó không được thực hiện, thì thử hỏi bạn có thể có hạnh phúc? Khi ta vị kỷ, là nghĩ lợi cho mình, ta luôn đòi hỏi những khách quan thuận lợi cho mình. Mà những điều kiện bên ngoài ít khi thuận theo ý mình thường là bất như ý. Khi

ấy liệu bạn có hạnh phúc?.

Muốn sống an lạc trong từng khoảnh khắc thì “No self, no problem” có nghĩa không nghĩ đến mình, không vị kỷ thì sẽ không gặp vấn đề trở ngại gì, bởi “Tình yêu của con người là tình thương thuần khiết”.

Anan Thubten bậc Thượng sư Tây Tạng hiện thời, đệ tử xuất sắc của Đức Đạt Lai Đạt Ma 14 dạy rằng : Trong mỗi chúng ta đều có một chân tính, tức Pháp thân (Dharmakaya), vị Phật cao nhất, hoàn toàn không có sự phân biệt. Chúng ta đều hoàn hảo trong lĩnh vực chân tính. Chúng ta đẹp đẽ, giàu có và đầy đủ. Chúng ta chẳng thiếu thứ gì cả.

Một khi bạn đã từ bỏ sự bám víu vào tất cả những ý niệm cố định về mình, những tông tích cố định của mình, thì bạn đã được giải thoát trong nội tâm. Cuối cùng rồi bạn có thể trở nên yêu thương con người mình. Như vậy là không có việc so sánh mình với những người khác nữa. Khi ấy, bạn sẽ biết rằng chân tính của mình là đầy đủ và hoàn hảo, là điều thiêng liêng nhất, và rồi bạn có sự tán dương sự độc đáo của mình. Đây phần lớn là trí huệ của Phật giáo Mật tông, vốn dạy rằng phép nghi quỹ (sadhana) cao nhất là thờ cúng chính mình, thờ cúng thân thể mình, thờ cúng

tâm thức mình. Khi bạn ăn thức ăn gì, hãy ăn với một quan điểm thiêng liêng. Hãy nghĩ rằng mình là bậc Thần thánh. Thân xác mình là nơi an trú thiêng liêng. Bạn đã biết mình là ở phương Đông, người ta thờ cúng những vị thần như Bồ Tát Quan Thế Âm và TaRa độ mẫu. Có nhiều đền đài thờ ảnh tượng của các vị thần. Người ta đi đến chùa, tụng kinh, dâng hoa quả và thực phẩm để cúng các vị thần. Phật giáo Mật tông dạy rằng nghi quỹ cao nhất, giáo lý cao nhất, là sự tôn thờ mình một cách trọn vẹn. Khi ăn thức ăn, đừng ăn theo cách thông thường. Hãy nghĩ rằng mình đang thực hiện một sự dâng cúng, dâng cúng thiêng liêng cho một vị thần. Thức ăn của bạn là lễ vật cúng dường thiêng liêng, và bạn là một vị Thần. Thân xác bạn là mạn Đà La, nơi an trú của thần linh.

Phật giáo Mật tông dạy rằng nghi quỹ cao nhất là sự yêu thương thân xác mình, yêu thương sự vinh quang của mình, và yêu thương cả những khuyết điểm của mình. Hãy xem những khuyết điểm và những vinh quang của mình như những biểu hiện của vị Phật cao nhất, của Như Lai tạng, của Pháp thân. Nhiệm vụ của bạn là nhìn nhận rằng mình là một biểu thị của Như Lai tạng, và tôn quý mọi thứ nơi con người mình. Hãy tôn quý những phiền phúc, những kém cỏi, những khuyết điểm của mình cũng như sự thông thái, hùng mạnh và thiêng liêng của mình.

Tuyệt vời khi nhận chân được mình là ai.

Kinh Phật dạy rằng chúng ta gồm có ngũ uẩn và chúng ta do năm uẩn này tạo nên. Vậy chúng ta là sự tập hợp kỳ lạ của nhiều thành phần, Mandala là một cảnh giới thiêng liêng. Sẽ như thế nào nếu

như chúng ta gọi mình là những Mandala? Như vậy có vẻ nên thơ hơn là việc xem mình như một mớ hỗn độn của những thành phần. Mỗi người chúng ta hãy xem mình như một Mandala, một khía cạnh thiêng liêng do nhiều thành phần thiêng liêng tạo thành. Vậy nên chúng ta là một Mandala sống rồi ren. Vì thế, chúng ta dễ dàng tan ra từng mảnh. Nếu có một cái tôi cố hữu thì hẳn là chúng ta sẽ không tan rã ra thành từng mảnh. Nhưng vì chúng ta là một Mandala sống, hợp nên bởi nhiều thành phần, theo tôi biết là nhiều hơn ngũ uẩn, cho nên chúng ta sẵn sàng để tan ra bất kỳ lúc nào. Chúng ta sẵn sàng tan rã về phía ngoài cũng như về phía trong. Cuộc đời của chúng ta luôn luôn sẵn sàng để tan biến. Mandala này, vốn là con người của bạn, thực đẹp đẽ nhưng cũng thực mạnh mẽ, mong mạnh hơn bạn nghĩ rất nhiều.

Tất cả những gì tôi có thể nói là chúng ta thực sự đẹp đẽ vô cùng nhưng cũng vô cùng mạnh mẽ. Xin hãy nhớ là chúng ta sẵn sàng để tan rã ra
t ừ n g





mảnh bất cứ lúc nào. Mandala này, vũ trụ thiêng liêng này, tức là con người chúng ta, luôn sẵn sàng để tan biến. Nhận thức như vậy - việc biết rằng không có một cái tôi cố hữu nào trong mỗi chúng ta, mà trái lại, chúng ta là mẫu Mandala phức tạp, đẹp đẽ và sinh động - có giá trị giải thoát rất nhiều cho chúng ta. Nó có thể khơi dậy sự dũng cảm, tình yêu và niềm vui trong lòng chúng ta.

Tất cả mọi trải nghiệm mà ta đang có hàng ngày - yêu thích mình hay không yêu thích mình - chỉ là những hoạt động tâm trí của mình mà thôi. Những trải nghiệm ấy không liên quan gì với con người thật của chúng ta. Chúng ta chẳng phải là quan trọng hoặc không quan trọng tất cả những gì tôi có thể nói là cái thực thể kỳ lạ này, cái Mandala sống này cũng giống như một dòng sông. Đôi khi nó đông cứng lại vì băng giá, đôi khi nó chảy êm đềm. Thường là sự yêu thương làm mềm mại con người bạn, còn sự khiếp sợ hay giận dữ làm co cứng con người bạn.

Tình thương khiến chúng ta mềm mại. Đôi khi tình thương có một đối tượng - con cái

chúng ta, cuộc đời này, bản thân chúng ta. Và có sự thương yêu không đối tượng - đó là tình yêu thiêng liêng. Đây là mức yêu thương cao nhất. Khi cảm thấy sự thương yêu ấy toàn bộ con người chúng ta hóa thành tình thương, và những kênh mạch trong cơ thể ta bắt đầu rộng mở. Chúng ta phải đưa thân xác mình vào trong lĩnh vực tâm linh. Không được từ bỏ thân xác. Sự giác ngộ, sự biến đổi, sự chữa lành, tất cả những gì bạn ao ước, bạn không thể có được cái nào nếu không đưa thân xác mình vào lĩnh vực tâm linh. Vậy nên có sự chữa bệnh, sự khai sáng nơi cơ thể. Chúng ta không thể lành bệnh nếu không chữa lành cho cơ thể. Khi chúng ta trở thành tình thương thiêng liêng thì cơ thể sẽ bắt đầu mềm mại, các kênh mạch, luân xa trong đó bắt đầu khai mở, và ta cảm thấy nhiều tình thương hơn, nhiều sự dũng cảm hơn. Khi ta cảm nhận tình thương thiêng liêng thì tâm thức bắt đầu mềm mại, và nó tháo mở tất cả các nút thắt bên trong nó. Có một số lớn những nút thắt trong đầu óc. Những hệ thống tín ngưỡng và những kiểu tư duy mà chúng ta gắn bó là những nút thắt trong đầu óc. Những nút thắt này dằng buộc, giam cầm và hành hạ chúng ta. Chúng tước đoạt tự do và sự an lành của chúng ta. Sự yêu thương mà tôi đang nói tới là một trải nghiệm thuần túy về sự tan chảy của tâm thức băng giá và sự cởi mở những nút thắt trong đầu óc chúng ta.

Tình thương chân chính không phải chỉ là cái cảm giác hợp nhất, cảm giác chúng ta là một với vũ trụ. Tình thương chân chính bao gồm tất cả mọi thứ, nó không chối bỏ một thứ nào cả. Tình thương tôi đang nói ở đây là điều chúng ta có thể trau dồi. Có nhiều phương pháp trau dồi tình thương. Có những kinh sách, những bài kệ sâu sắc mà ta có thể tụng đọc. Có những phép tu tập thiền định chúng ta có thể thực hành như một cách để vun bồi tình thương. Sớm muộn gì chúng ta cũng cảm thấy là mình đang trở thành thứ tình thương thuần khiết, thứ tình thương không đối tượng ấy. Đức

Phật đã trở thành tình thương không đối tượng ấy. Ngài thực sự là tình thương. Vậy nên tinh yếu của cái ManĐala sống về con người bạn là tình thương thuần khiết. Tinh yếu của con người bạn là tình thương thuần khiết. Để nhận thức đúng đắn rằng tinh yếu của con người bạn là tình thương chân chính, bạn có thể cần có sự tự biết mình, vốn là sự hiểu biết trung thực và đầy đủ về con người mình. Đó là sự nhận biết tính chất siêu phàm cũng như những hạn chế của mình. Bạn vốn đã biết rằng mình có sự siêu phàm, và bạn biết rằng mình có sự dũng cảm, mình có tình thương. Bạn biết rằng mình là người quảng đại và tử tế. Bạn cũng biết là đôi khi mình có thể quên mình vì hạnh phúc của người khác. Không có khó khăn nào ngăn trở bạn yêu quý tính chất thiêng liêng của chính mình. Đồng thời, bạn cũng có những hạn chế - sự sợ sệt, bất an và ích kỷ. Một khi đã nhận biết được những hạn chế này đừng nên xem chúng là xấu sa hay lên án chúng. Nếu bạn

miệt thị những điều khiếm khuyết của mình thì dốt cuộc bạn càng ngày càng bị đông cứng hơn. Hãy yêu thương tất cả những khuyết điểm của mình. Hãy tập yêu thương nỗi sợ cũng như nỗi giận của mình. Hãy luôn luôn tỉnh thức về chúng, thì rồi chúng sẽ tự tan biến. Chúng sẽ tiếp tục tiêu tan mà không cần tới một nỗ lực nào. Với thời gian, bạn sẽ càng lúc càng thấy mình giống với một mảnh Mandala mềm mại, sống động hơn với một mảnh Mandala đông cứng. Lòng bạn càng lúc càng tràn ngập nhiều niềm vui hơn. Bạn thấy kết nối với thế giới này dưới dạng một Thiên đường nhiều hơn, một Thiên đường không hoàn hảo, chứ không phải là Thiên đường hoàn hảo. Cuối cùng, bạn có thể yêu thương tất cả mọi người và mọi sự vật hiện hữu.

Điều hạnh phúc nhất của mỗi chúng ta là mỗi chúng ta đều có một trái tim. Một trái tim để yêu thương - yêu thương bản thân,



yêu thương mọi người và muôn loài. Khi mỗi chúng ta được thức tỉnh bởi tình yêu thương bao la giữa cuộc đời, nơi chính con tim mình, chúng ta trở nên lớn mạnh hơn lên. Tâm Bồ Đề bản nhiên như mặt trời lan tỏa chiếu sáng khắp mọi nơi mọi chốn, đến từng ngõ hẻm cuộc đời, đến với bao con người đang bất hạnh bởi lầm mê, không nhận chân được mình là ai, không thể nhận được tự tính vô sinh bất diệt nơi vạn pháp. Nhưng cuối cùng tất cả chúng ta cũng sẽ được thức tỉnh bởi năng lượng tình thương thuần khiết vốn có ở mỗi người.

Chúng ta đang sống hàng ngày với những trải nghiệm là chúng ta đang có cơ hội để thực hành yêu thương. Ngày nối ngày qua đi, chúng ta đang “ trở thành tình thương thuần khiết “, chúng ta đang tiến gần hơn với thành tựu. Con đường giác ngộ là con đường đưa chúng ta “ trở thành tình thương “- trở thành Phật.

Bằng cách yêu quý, trân quý tính chất thiêng liêng của chính mình cũng như của vạn

hữu, chúng ta sẽ sớm thành tựu đạo quả Bồ Đề - quả vị yêu thương vô ngã với muôn sinh vạn loài. Thành tựu sự hợp nhất của từ bi và trí tuệ. Trở thành những Quán Thế Âm ngay giữa cuộc đời đầy đổi thay và vô thường này.

Vun bồi trái tim nhân ái là con đường ngắn nhất đến với giác ngộ. Con đường Bồ Tát gồm 37 phẩm hạnh giờ đây gói lại chỉ còn bốn chữ “ Sống để yêu thương “.

Chúng ta hãy sống để có thể biến cuộc sống hiện tại thành con đường Bồ Tát mang lại hạnh phúc cho mọi người mọi nhà, hạnh phúc chân thực cho chính mình.

Nguyện vì một pháp giới an lạc hạnh phúc và giác ngộ rốt ráo cho hết thảy.

Phật tử Viên Hạnh



Mọi người ai cũng muốn bắt đầu thực hành con đường Bồ tát. Nhưng phải bắt đầu như thế nào ? “Lý tưởng Bồ tát quả là tốt đẹp nhưng cũng hơi cao xa cho một người bình thường như tôi. Có lẽ, lý tưởng này chỉ dành cho tu sĩ hoặc những người đã dư giả về thời gian và tiền bạc. Hằng ngày, tôi phải lo kiếm sống, lấy vợ gả chồng, sinh con cái, nuôi bố mẹ già... Lấy đâu thời gian mà đi làm Bồ tát! Phải bắt đầu từ đâu nếu như ngay cả thời gian và tiền bạc tôi cũng chả có để giúp cho ai cả?”.

Nhiều người nghĩ rằng để đi giúp mọi người, trước tiên mình phải kiếm tiền, sau đó khi đã dư giả sẽ để ra một phần để bố thí. Cũng có người nghĩ sau khi có tiền tôi sẽ bớt bận rộn hơn vì không phải quá lo toan cho cuộc sống. Khi đó, tôi có thể bỏ ra thời gian và công sức dành cho người khác.

Thực hành Bồ tát hạnh qua lời chúc

Thực hành Bồ tát không khó như bạn vẫn nghĩ! Kể cả không có thời gian và tiền bạc, bạn vẫn có cách để tập bố thí cho người khác. Trong quãng thời gian tôi bắt đầu đi giúp mọi người, đôi khi tôi gặp những trường hợp mà mình không có đủ khả năng giúp dù rất muốn. Ví dụ như: Gặp một người ăn xin rách rưới và khổ sở trong lúc tôi không có tiền, hay nghe tin mẹ của bạn bị bệnh nan y không thể nào chữa khỏi... Đây là cách tôi đã làm và tôi thấy nó rất dễ dàng, dễ đến mức ai cũng có thể làm được, phương pháp đó là: Chúc thầm bí mật,

Mỗi khi bạn gặp một người nào đó, hãy suy nghĩ về hoàn cảnh của họ và chúc họ điều bạn cảm thấy là họ đang cần. Nếu bạn không biết gì về hoàn cảnh của họ thì cũng không sao, hãy chúc họ những điều tốt lành nhất mà bạn có thể nghĩ ra.



Sức mạnh của
**LỜI
CẦU
NGUYỆN**



Chúc thâm như thế nào?

Trong cuộc sống bạn sẽ gặp rất nhiều người, họ bị bệnh, thất tình, bị đánh đập, lừa đảo, phụ bạc, người thân mất... Ví dụ khi gặp một chàng trai đang buồn vì người mình yêu không yêu lại, tôi thâm nói: “Chúc người bạn yêu yêu lại bạn”. Khi gặp một cô gái đang đau khổ vì nuôi tiếc quá khứ, tôi chúc cô ấy: “Chúc bạn hết nuôi tiếc quá khứ”. Tôi thường kết thúc lời chúc bằng lời cầu mong họ đạt được giác ngộ. Vì tôi hiểu rằng, mọi hạnh phúc thế gian rồi sẽ qua đi, và giác ngộ chính là niềm hạnh phúc chân thật nhất.

Với một người mà tôi không biết hoàn cảnh của họ, lời chúc của tôi thường là: “Chúc bạn may mắn, mạnh khỏe, giàu có, hạnh phúc, sớm gặp duyên lành dẫn đến giác ngộ và giải thoát”.

Lời chúc có lợi ích không?

Nhiều người nghĩ rằng, chúc lành là một điều viển vông. Vì chỉ một lời chúc thôi đâu có ý nghĩa gì, làm sao có thể thay đổi được hoàn cảnh của người kia? Nhất là lại còn chúc thâm. Người kia còn không nghe thấy được

thì ngay cả sự an ủi họ cũng còn không nhận được! Nhưng không phải như vậy!

Mọi thứ trong vũ trụ này đều có mối liên kết với nhau. Bất kỳ một suy nghĩ nào của bạn cũng lan tỏa và ảnh hưởng đến toàn vũ trụ. Đây là cách hiểu sâu sắc về sự vận hành của vũ trụ cả về vật chất lẫn tinh thần. Đó chính là tinh thần của giáo lý mà Đức Phật đã đặc biệt nhấn mạnh: “Cái này sinh, cái kia sinh. Cái này diệt, cái kia diệt”. Mọi sự vật hiện tượng nương nhau sinh diệt, cái này ảnh hưởng tới cái kia. Chúng đều liên quan tới nhau mật thiết, không gì có thể tách rời với cái khác. Tin rằng một suy nghĩ không có tác dụng gì là một cách nhìn hạn hẹp, thiếu hiểu biết.

Vì vậy, mỗi lời chúc lành của bạn là một duyên lành, ảnh hưởng đến toàn bộ môi trường xung quanh và tất nhiên là đến người bạn muốn cầu chúc. Nó có thể cộng hưởng cùng các duyên khác để giúp người đó tốt lên. Giống như khi đổ các giọt nước và một chiếc ly, cuối cùng cũng sẽ làm chiếc ly tràn đầy. Khi gieo những duyên lành, cuối cùng cũng sẽ giúp quả lành nở ra. “Đừng khinh thường sức mạnh của một hành động tốt nhỏ mà không làm” - Đức Phật đã từng dạy như vậy. Chúc lành chắc chắn sẽ giúp những người kia và cả thế giới tốt lên.

Khi bắt đầu áp dụng phương pháp Chúc thâm bí mật này, tôi thực hành với những người tôi quen biết và quý mến như bạn bè người thân... Sau đó tôi mở rộng tới những người không quen biết. Ví dụ: những người trên cùng một chuyến xe, một người phụ nữ bán cá ở chợ... Sau đó với những người oán ghét tôi, với những người coi tôi là kẻ thù.

Nhiều khi người tôi chúc, chính là người đã từng làm hại tôi, là người sắp làm điều xấu với tôi, là người đang mang tới tai họa cho tôi... Cho dù không dễ dàng gì để chúc một người đang làm hại mình tốt

lên và giác ngộ, nhưng tôi hiểu đó là điều tuyệt vời nhất có thể xảy ra cho họ và cả chính tôi.

Một người đang hạnh phúc không bao giờ chú ý gây hại cho người khác. Một người đủ hiểu biết không bao giờ muốn làm tổn thương người khác. Tôi hiểu rằng, lý do họ hại tôi là bởi đau khổ và thiếu hiểu biết. Họ làm điều xấu với tôi không đồng nghĩa với việc tôi phải thù ghét họ. Bởi hận thù diệt hận thù là điều không thể có, tình yêu diệt hận thù mới là định luật ngàn thu.

Hơn thế nữa, mỗi khi chúc lành cho người khác, tôi cảm thấy trong lòng như nở những đóa hoa. Những đóa hoa của lòng yêu thương và tử tế, đẹp tan mọi sân hận, ghen tỵ, thù ghét... đang có mặt. Vì thế, tôi chúc lành cho họ cũng là để chữa lành cho cả chính mình.

Nếu thực hành phương pháp này, có thể bạn cảm thấy được những điều kỳ diệu xảy ra. Có nhiều lần, những người đang muốn nói xấu và làm hại tôi bỗng trở nên thân thiện và thậm chí giúp đỡ tôi sau một vài lần tôi chúc lành cho họ. Họ đã trở nên bình an và sáng suốt hơn.

Nhiều khi, sau một ngày mệt mỏi, tôi trở về chỗ ở sau những lo toan thường nhật. Khi chuẩn bị đi ngủ cũng là lúc tuyệt vời nhất để gửi những lời chúc lành đến mọi người và làm dịu mát những sự căng thẳng trong tôi. Tôi chúc những người mà tôi quen biết hoặc không quen biết đều hóa giải mọi hận thù, ghét bỏ với nhau; đều phát triển lòng yêu thương và thông cảm với nhau; đều gặp những duyên lành để thoát khỏi mọi bệnh tật, tai nạn, đói nghèo; đều gieo những hạt giống của an lạc, hạnh phúc và đều gặt được những quả lành của an lạc, hạnh phúc. Tôi chúc họ nhanh chóng gặp được con đường chân chính, dẫn họ đến sự hạnh phúc tối thượng và vĩnh cửu của giác ngộ.

Tại sao nên chúc thầm?

Tại sao bạn chỉ nên chúc thầm chứ không nên nói với người kia? Khi bạn làm điều tốt với ai đó, cách tốt nhất để rèn luyện mình là không nói cho người kia biết. Nếu không, cái tôi của bạn sẽ to lên khi bạn được người khác đánh giá cao. Bạn không nên coi việc làm điều tốt là một cách để lấy được sự trân trọng từ người khác.

Bạn hãy nghĩ, tôi làm điều này một cách tự nhiên bởi bản tính của tôi và mọi người vốn tốt đẹp. Tôi làm điều tốt một cách tự nhiên giống như khi đói thì ăn, khi khát thì uống, khi cần thì hít thở, khi có thể giúp thì giúp đỡ “. Khi làm điều tốt, bạn không nên bám chấp vào việc được cảm ơn. Bạn cũng không nên bám chấp vào việc làm điều tốt để tạo ra nghiệp tốt cho mình. Làm điều tốt một cách âm thầm, không trông đợi vào kết quả là cách rèn luyện của Bồ tát.

Hãy bắt đầu tập bố thí như một vị Bồ tát, bằng Chúc thầm bí mật kể từ ngày hôm nay!



LỊCH SỬ PHẬT GIÁO Ở BANG

ARUNACHAL PRADESH, ẤN ĐỘ

Soạn dịch: Đại Đức Thích Đạo Giác

Arunachal Pradesh còn được gọi là the land of sunrise¹. Được biết, ngày xưa nó là vùng biên giới đông bắc Agency-NEFA, là điểm tận cùng của biên giới Ấn Độ và được phân cách biên giới với nước Bhutan ở phía tây, Tây Tạng và Trung Quốc ở phía bắc, Burma² ở phía đông và tiểu bang Assam ở phía nam. Arunachal Pradesh là một vùng đất cổ xưa và lịch sử của nó được thêu dệt bằng những câu chuyện thần thoại và truyền thuyết.

Theo lịch sử, Phật giáo được giới thiệu vào bang Arunachal Pradesh bởi ngài Liên Hoa Sinh (Padmasambhava). Đích thân Ngài đến đây để thiền tọa và truyền giáo ở vùng Tawang thuộc Arunachal Pradesh một vài lần trước khi ngài truyền vào Tây Tạng năm 747 sau tây lịch. Khi đến đây, Ngài đã viếng thăm vua Tây Tạng tên là Khri-sron-Ide-btsan hay còn gọi là Thisong Detson (740-786 sau tây lịch) để mong sự giúp



để truyền bá và phổ biến Phật Giáo xứ này. Ngài Liên Hoa Sinh cũng xin thành lập hai ngôi đền thờ phượng ở vùng Tawang: một cái ở Takstang và một cái khác ở Baggajanga là vùng đất của dân tộc Monpas và Sherdukpens, Thực tế, những người dân ở vùng này càng ngày càng quý kính và theo Ngài. Họ kết hợp với Ngài để thành lập 16 nơi thờ tự, trong đó có 7 nơi thờ tự ở vùng Tawang và 9 nơi ở khu vực phía tây Kameng. Sơ lược một chút về nơi này như sau:

“Một tượng đá bên trong hang động được cho là công trình nhân tạo tuyệt đẹp. Nó đánh dấu bước chân và con ngựa của người dân Liên Hoa trên mặt đất nơi đây. Ở Jiktsang, được tin rằng, khi Đức Thầy

¹ Vùng đất mặt trời mọc: ở đây mặt trời mọc từ 4h30 đến 4h40 phút

² Tên cổ của nước Myanmar (Miến Điện ngày nay)

ở trong định đã hiện thân thành một con báo. Ở Sarong, Ngài đồn đoán rằng khi Ngài đến nằm nghỉ trên một tảng đá cùng với thánh kinh, lúc thức dậy, Ngài ấn tay xuống tảng đá. Những dấu tay đó hiện vẫn còn nơi này. Ở Baggajanga: Có một cái hồ được cho là rất huyền bí, Ngài đã gián tiếp thăm nơi này. Ngôi làng Terma Bumgan là nơi mà Ngài đã lưu dấu chân trái và in dấu cái nón vành; bàn tay và bình bát của Ngài được in trên một tảng đá nơi đó. Komefuk là một bờ sông rất cao của con sông Tawangchu. Nơi đó có một con rắn và dấu vết của con rắn và chỗ ngồi của Ngài được lưu dấu trên một tảng đá ở đó.

Một tảng đá gần làng Rupa có dấu vết thân thể của ngài Liên Hoa Sinh. Ở Khang Gisih cách làng Rupa khoảng 3 dặm có một tảng đá giống như kiểu giày của dân tộc Sherdukpen và được tin là giày của Đức Thầy Liên Hoa Sinh.

Ở Flujima, trên tảng đá có dấu vết của giống chó Pug được tin là dấu vết của con chó mà đã đi theo Đức Thầy khi Ngài đến thăm Flujima. Ở Machulu, gần làng Rupa, nơi này có dấu chân của Đức Thầy và con chó Pug, được tin là đã in trên tảng đá ở đó. Ở Chapit có dấu tay của Đức Thầy và cũng được cho là đã in trên một tảng đá. Ở Jakhung có một tảng đá hình dáng giống như giày của dân tộc Sherdukpen được tin là của Đức Thầy Liên Hoa Sinh. Ở Pemaleso, dưới chân đồi có một dòng suối tên là Dojibuti có một tảng đá được đục chạm một hoa sen mà nó được tương truyền rằng nó xuất hiện một cách bất thường khi đức thầy đến nơi đó. Ở Chaksung, gần làng Rupa hướng về Jigaon, nơi đây Đức Thầy đã ngồi thiền. Ở Shra-ha-Noma, cách làng Rupa khoảng 3 dặm có các linh hồn xấu ác ngăn cản Ngài với hiện thân là một con dê, Đức Thầy đã đánh vào đầu con dê đó.

Không có gì chắc chắn là thật trong những câu chuyện mang tính huyền thoại này. Nhưng có một sự thật rằng sau chuyến viếng thăm của ngài Liên Hoa Sinh, Phật giáo đã thay thế đạo Bon rồi sau đó phổ biến khắp xứ Tawang. Về sau Phật giáo được duy trì liên tục như một kết quả của sự ảnh hưởng bất biến giữa bang Arunachal Pradesh (Đặc biệt xứ Tawang) và Tây Tạng. Mở đầu là giáo phái Nyingmapa lan truyền đến xứ Tawang và có ba tu viện thuộc trường phái Mũ Đỏ đầu tiên được thành lập bởi một vị truyền giáo là Lama Tsorgeling, là Sangeling, Sugyeling và Tsorgeling. Đó là chứng cứ cho thấy rằng những nhà truyền giáo thuộc dòng Karmapa từ Tây Tạng đã đặt bước chân đến xứ Tawang ở thế kỷ 12 và 13 sau



tây lịch và đã thành lập một vài tu viện ở nơi đây. Một trong những vị truyền giáo lỗi lạc nhất là ngài Rangchung Dorjee (1109-1192). Ngài là người thành lập một nhánh giáo phái Karmapa từ giáo phái Kargyupa thuộc Phật giáo Tây Tạng. Ngài cũng đã thành lập nhiều tu viện như Domzang, Garam (jangda) Jang và Baggajanga ở xứ Tawang. Có vài vị Lama lỗi lạc của giáo phái Nyingmapa cũng đã đến bang Arunachal Pradesh và truyền bá giáo pháp ở nơi đây suốt từ thế kỷ thứ 13 đến thế kỷ 14 sau tây lịch. Khi giáo phái thứ tư của Phật giáo Tây Tạng được biết đến với tên gọi là Ge-lug-pa (luật tông, chuyên chú giới luật) cũng gọi là giáo phái Mũ Vàng cũng đến và thành lập nơi tu học ở đây bởi hai bậc thầy là Tsongkha-pa (1352-1449) và Thangston Gyalpo (1385-1462), một Lama đến từ Tây Tạng, người là đương thời của ngài Da Lai Lama đầu tiên tên là Gendun Drub (1391-1475) đã giảng giải giáo pháp theo tông phái mới ở bang Arunachal Pradesh. Ngài theo một vị Lama khác tên là Tampei Dronme. Ngài Tampei được uỷ quyền bởi ngài Dalai

Lama thứ 2 tên là Gendun Gyatso (1475-1542) để truyền bá giáo pháp của giáo phái Gelugpa ở xứ này. Giáo phái Gelugpa trở thành một giáo phái chính và có uy quyền ở bang Arunachal Pradesh. Về sau có ngài Lama Lodre thành lập tu viện Tawang với sự ban phúc lành của ngài Dalai Lama thứ 5 tên là Ngawang Lobzang Gyatso (1617-1682).

Nhờ việc thành lập tu viện Tawang mà tôn giáo và văn hoá đã liên kết tốt đẹp giữa người dân Tây Tạng và Arunachal Pradesh thêm chặt chẽ. Chặt chẽ hơn nữa khoảng sau một thập kỷ khi ngài Dalai Lama thứ 6 tái sinh vào dân tộc Monpa. Ngài Tsangyang Gyatso (1683-1706) được công nhận như là hiện thân của vị Dalai Lama thứ 5 (1617-1682). Ngài Tsangyang Gyatso sinh ra tại làng Kitpi, cùng ngôi làng mà ngài Lama Lodre ra đời. Cha của ngài Dalai Lama định cư tại làng Urgelling, tọa thị phía dưới Tawang.

Tầm quan trọng đặc biệt của Phật giáo thời hiện đại ở Arunachal Pradesh





là cả Phật giáo đại thừa và Phật giáo Theravada (nguyên thủy) đều phát triển hưng thịnh ở nơi đây. Phật giáo đại thừa phát triển ở miền tây bắc và Phật giáo Theravada phát triển ở miền đông nam. Những tộc người như Monpas và Sherdukpens thuộc vùng Tawang và quận West Kameng theo Phật giáo đại thừa. Tộc người Membas và Khambas thuộc vùng Siang và quận Dibang cũng theo Phật giáo đại thừa, trong khi những tộc người như Khamptis³ và Singhpos thuộc vùng Lohit và quận Tirap theo Phật giáo Theravada. Họ di cư về đây từ Burma (Miến điện).

Tộc người Monpas sống ở địa đầu phía bắc của Arunachal Pradesh, tên gọi ngày nay là quận Tawang. Khu vực Tawang cũng được biết đến sau khi tu viện nổi tiếng Tawang được thành lập. Tu viện Tawang, hay còn gọi là Tawang

Gompa cũng được gọi là Monyul nghĩa là vùng đất thấp. Người Tây Tạng gọi là Tawang Galdan Namgyal Lhatse nghĩa là cực lạc thế giới trong một đêm sáng. Khu vực này bị ngăn cách bởi dãy núi Hy Mã Lạp Sơn cao chót vót của Tây tạng ở phía bắc, nước Bhutan ở phía tây, dãy núi Bomdila ở phía nam và dãy núi Zela ở phía đông. Không có các tầng lớp giai cấp và hệ thống đẳng cấp giữa những người trong bộ tộc Monpas. Dựa trên cơ sở vị trí địa lý, người Monpas được chia ra ba khu vực: Một là Tawang ở phía bắc Monpas, hai là Dirang - trung tâm Monpas và ba là Kalkatang ở phía nam Monpas. Tuy nhiên cũng có một vài khác biệt về văn hoá xã hội giữa những khu vực đó. Hầu hết tộc người Monpas theo giáo phái Gelugpa của Phật giáo Tây Tạng./.

³ Kandinya, Mnaistic Buddhism among the Khamptis of Arunachal Pradesh, New delhi,1986, PP.1-2

